

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/01/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK4+BK3+P9	7:25	12+5+5	0+0+0		8+5+9	0+0+0	
2		BK10+P2+BK8	7:25	14+8+0	0+0+0		6+14+2	0+0+0	
3		P10+P4	7:25	20+2	0+0		17+5	0+0	
4		P9+BK6+BK5	9:25	19+0+0	0+0+0		20+1+1	0+0+0	
5		P2+BK3+TD5	9:25	14+0+1	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
6		TD2+CTK3+P11	9:25	6+0+10	0+0+0		0+11+10	0+0+0	
7		BK15+P10+BK4	11:25	8+9+0	0+0+0		8+8+5	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
ĐI VỀ TRONG NGÀY BK3-1NG, BK4-4NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: BK4 - BK3 - P9	CREW: VThắng - CHIẾN - Luy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN THỨC LỢI	BK4	50	1	3	40	66	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK4					67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THẮNG	BK4					56	NIFI	Vietnamese
4	TRẦN KHOA TRƯỞNG	BK4	45	1	4		75	NIFI	Vietnamese
5	NGUYỄN TIẾN DŨNG	BK4	51	1	2		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ ĐĂNG ĐỨC	BK4	52	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ BA TUẤN	BK4	48-49	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN TIẾN	BK4	53	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY NGỌC	BK4	43	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ THANH HẢI	BK4	71	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC QUY	BK4	44	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM XUÂN MẠNH	BK4	46-47	2	8		65	PSV	Vietnamese
13	BAMBUROV	BK3	39	1	5	35	96	KH-THAC	Russian
14	VŨ DUY KHUÔNG	BK3	37-38	2	11		60	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN PHƯỚC	BK3	34	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK3	40	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM BA BÌNH	BK3	35-36	2	8		68	PSV	Vietnamese
18	VASYANKIN	P9	46	1	15	35	124	KH-THAC	Russian
19	PHẠM ĐỨC BÌNH	P9	45	1	13		71	KH-THAC	Vietnamese
20	HOÀNG SỸ NGỌC	P9	48	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
21	LÊ MINH THUY	P9	47	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN BA KỲ	P9					82	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK4	12	12	74	822	40	8		
2	BK3	5	7	31	363	35	5		
3	P9	5	4	40	415	35	9		
TOTAL		22	23	145	1.600	110	22		
WEIGHT KG				145	1.600	110			

GRAND TOAL: 1.855 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: BK10 - P2 - BK8	CREW: Vận - Mạnh - Vũ	ETA: 09:20
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THẾ ANH	BK10	55	1	5	70	66	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ TUẤN HÙNG	BK10	54	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ TRỌNG LINH	BK10	52	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN CÔNG THANH	BK10	46	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN SÁCH ĐƠN	BK10	48	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
6	HÀ VĂN TRUNG	BK10	53	1	15		83	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN QUANG PHÚ	BK10	56	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC TOÀN	BK10	49	1	6		70	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN NGỌC THÈ	BK10	50-51	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐẶNG THANH SƠN	BK10	45	1	13		65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN ĐOÀN ĐOÀN	BK10	98	1	13		60	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ HỒNG DƯƠNG	BK10	99,300	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH SƠN	BK10	57	1	3		74	PSV	Vietnamese
14	LÊ ĐỨC CUÔNG	BK10	47	1	5		65	PSV	Vietnamese
15	AFANASIEV N.K	P2	48	1	9		97	KH-THAC	Russian
16	CAO VĂN ĐÀU	P2	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO VĂN ĐỨC	P2	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ CÔNG KHANG	P2	90	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ VĂN THỌ	P2	91-92	2	15		71	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ THANH LONG	P2	89	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG VĂN THUẬN	P2	50-51	2	6		61	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC TÂN	P2					66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	14	16	126	935	70	6		
2	P2	8	9	51	563	0	14		
3	BK8	0	0	0	0	18	2		
TOTAL		22	25	177	1.498	88	22		
WEIGHT KG				177	1.498	88			

GRAND TOAL: 1.763 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: P10 - P4	CREW: Phong - MMinh - Toan	ETA: 09:15
VANG-1			

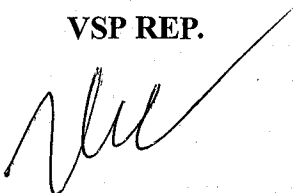
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC TUÂN	P10	56	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
2	HỒ ANH QUỐC	P10					74	KH-THAC	Vietnamese
3	IVANOV	P10	01	1	7		118	KH-THAC	Russian
4	CHERNIAVSKIY D.S	P10	02	1	12		107	KH-THAC	Russian
5	NGUYỄN ĐỨC PHÚC	P10	63	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HUYNH VŨ	P10					69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN BAO LÂM	P10	66	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P10	70	1	10	45	64	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN NAM	P10	59	1	3		64	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ĐĂNG TUÂN	P10	55	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY QUANG	P10	65	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ NGỌC NGUYỄN	P10					82	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ANH KHOA	P10	62	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NAM	P10	58	1	6		91	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VĂN THUYẾT	P10	54	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TOÀN	P10	60	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P10	64	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TOÀN	P10	61	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM NGỌC THANH	P10	57	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ NGỌC TUÂN	P4	61	1	7		85	KHI	Vietnamese
21	LÊ VĂN MẠNH	P4					59	KHI	Vietnamese
22	LÊ QUANG VINH	P4	60	1	7		73	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	19	16	98	1.418	45	17		
2	P4	3	2	14	217	0	5		
TOTAL		22	18	112	1.635	45	22		
WEIGHT KG				112	1.635	45			

GRAND TOAL: 1.792 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P9 - BK6 - BK5	CREW: VThắng - CHIẾN - Luy	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ VĂN THOẠI	P9	54	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ MINH THUY	P9					81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGÔ AN CHUNG	P9	51	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐÀO THIÊN THUẬT	P9	53	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI NGOC THÂN	P9					75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT THẮNG	P9					70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT CUƠNG	P9	81	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN DUNG	P9	52	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC LƯỢNG	P9	59	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ NGỌC THANH	P9	57	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VĂN HAI	P9	58	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI VĂN TUÂN	P9	60	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN TÙNG	P9	63	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CAO CHI	P9	62	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
15	HỒ SỸ BÌNH	P9	55	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐỨC BÌNH	P9	64	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
17	IAKIMIDI	P9	56	1	7		100	KH-THAC	Russian
18	LÊ VĂN LỢI	P9	61	1	3		65	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	18	15	66	1.297	0	20		
2	BK6	0	0	0	0	35	1		
3	BK5	0	0	0	0	60 + 15	1		
TOTAL		18	15	66	1.297	95	22		
WEIGHT KG				66	1.297	95			

GRAND TOAL: 1.458 KGS + 15

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT:	TO: P2 - BK3 - TD5	CREW: Vận - Mạnh - Vũ	ETA: 11:30
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU PHI	P2	56	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC THẮNG	P2	59-60	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM SY HIỆP	P2	58	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN KHẮC CẦN	P2	68	1	14		64	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG TRỌNG THAO	P2	61-62	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGO HOÀNG NAM	P2	64	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN ĐỘ	P2	57	1	10		66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	53	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH KIM	P2	66	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	65	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ QUY TOÀN	P2	69	1	5	40	60	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH PHONG	P2	63	1	9		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	P2	67	1	5		74	KHI	Vietnamese
14	BUI MINH TRI	P2	54-55	2	13		63	T-TIN	Vietnamese
15	TRAN QUOC HUNG	P2	52	1	5		55	KHI	Vietnamese
16	DENIS BOYKO	TD5	47	1	12		105	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	15	18	133	1.006	40	18		
2	BK3	0	0	0	0	50+20	2		
3	TD5	1	1	12	105	0	2		
TOTAL		16	19	145	1.111	90	22		
WEIGHT KG				145	1.111	90			

GRAND TOAL: 1.346 KGS + 20

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 05	TO: TD2 - CTK3 - P11	CREW: Phong - MMinh - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM QUỐC TUÂN	TD2	39-40	2	15		61	BAKER HU	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRÚC	TD2	36-37	2	15		63	BAKER HU	Vietnamese
3	LÊ VĂN BIÊN	TD2	44	1	15	50	68	BAKER HU	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH CUÔNG	TD2	43	1	15		68	BAKER HU	Vietnamese
5	NGUYỄN HOÀI NAM	TD2	41-42	2	15		58	BAKER HU	Vietnamese
6	HÀ NGỌC LAM	TD2	38	1	15		75	BAKER HU	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	P11	700	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ VIỆT DŨNG	P11	08	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
9	HUỲNH THANH TÂM	P11	99	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN HẢI VIỆT	P11	01-02	2	8		84	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NAM	P11	600	1	8	55	76	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN TRÍ	P11	97	1	6		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P11	05-06	2	8		79	KH-THAC	Vietnamese
14	LƯƠNG XUÂN THAI	P11	03-04	2	15		73	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUANG TÂN	P11	11	1	3		59	PSV	Vietnamese
16	NGO VĂN THANH	P11	09-10	2	12		75	PSV	Vietnamese
17	TRẦN VĂN HÀ	P11	98	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	6	9	90	393	50	0		
2	CTK3	0	0	0	0	35	11		
3	P11	11	15	86	784	55	10		
TOTAL		17	24	176	1.177	140	21		
WEIGHT KG				176	1.177	140			

GRAND TOAL: 1.493 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 13/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 07	TO: BK15 - P10 - BK4	CREW: VThắng - CHIẾN - Luy	ETA: 13:30
HONG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU THÀNH	BK15	81	1	11		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THÈ HANH	BK15	52	1	9		69	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN HỒNG LINH	BK15	54	1	4	70	60	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU LƯU	BK15	11	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC TÙNG	BK15	07	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH CÔNG	BK15					63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	BK15	64	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG VĂN PHƯƠNG	BK15	10	1	12		63	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CUÔNG	P10	41	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ CHI HIỆU	P10	38	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TẤT THÀNH	P10	43	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯƠNG VĂN MINH	P10					78	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM HIỆU LIÊM	P10	39	1	4	5	67	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CẢNH TÂN	P10					80	KH-THAC	Vietnamese
15	CHERNIADEV	P10	45	1	6		71	NIPI	Russian
16	CHULKOV	P10	44	1	8		77	NIPI	Russian
17	LÊ HOÀI THANH	P10	42	1	8		67	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN HỮU TOÀN	P10	40	1	8		72	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TÍNH	BK4	74	1	7		66	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	8	7	55	508	70	8		
2	P10	10	8	46	714	5	8		
3	BK4	1	1	7	66	0	5		
TOTAL		19	16	108	1.288	75	21		
WEIGHT KG				108	1.288	75			

GRAND TOAL: 1.471 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/01/2020

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TTC1+P6	7:25	10+8	0+0		4+18	0+0	
2		VSP01	7:25	18	0		22	0	
3		P6+P1+P10	7:25	17+0+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	CHUYỂN 1 P6- P1
4		P8+IS2+RC6	9:25	12+0+0	0+0+0		12+9+1	0+0+0	
5		TGTH5+AMD	9:25	3+18	0+0		2+19	0+0	
6		CTK3+P8	9:25	5+8	0+0		6+15	0+0	
7		TD3+P4+TGTH4	11:25	7+0+3	0+0+0		8+10+4	0+0+0	
8		TTC2+TTC3	11:25	10+12	0+0		9+13	0+0	CHUYỂN 1 TTC2-TTC3
9		VSP01+TTC1	11:25	12+0	0+0		17+5	0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: TTC1 - P6	CREW: HỒI - TRƯỜNG - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU VAN TOAN	TTC1				70	72	D-HANH	Vietnamese
2	TRINH HOANG NGUYEN	TTC1	10	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
3	BUI DINH PHI	TTC1	14	1	3		63	NIPI	Vietnamese
4	KYREEV	TTC1	20	1	4		88	NIPI	Russian
5	TRAN TRUNG HIEU	TTC1	11	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN LINH HOAT	TTC1	09	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN SON TUNG	TTC1	13	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN XUAN THUONG	TTC1	12	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG THAI ANH	TTC1	04	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN HUNG	TTC1					71	GETRACO	Vietnamese
11	KIRICHENKO S.P	P6	60	1	5	50	75	KH-THAC	Russian
12	PIATOV S.V	P6	61	1	4		90	KH-THAC	Russian
13	VU VAN HOAN	P6	66	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
14	THAI TRONG BINH	P6	63	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐANG THỌ TAM	P6	04	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHUONG VAN MINH	P6	64-65	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HUU NHAN	P6					67	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NHAT THANH	P6	62	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	10	8	40	740	70	4		
2	P6	8	8	41	584	50	18		
TOTAL		18	16	81	1.324	120	22		
WEIGHT KG				81	1.324	120			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: VSP01	CREW: Vận - ĐNam - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIỀU TUẤN ANH	VSP01	26	1	5		73	ĐK09	Vietnamese
2	TRIANDOFILIDI Y.I.	VSP01					97	KH-THAC	Russian
3	SABITOV A.A.	VSP01					80	KH-THAC	Russian
4	GRICHENKOV	VSP01	20	1	8		90	KH-THAC	Russian
5	ROMANOV	VSP01	18	1	6		115	KH-THAC	Russian
6	TRUBOCHKIN	VSP01	15	1	8		75	KH-THAC	Russian
7	PHAM VAN DUC	VSP01	19	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN BẮC	VSP01	23	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN VĂN SƠN	VSP01	21	1	4	30	72	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN VĂN CHÂU	VSP01	14	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	VSP01	22	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	BORVINSKIY	VSP01	17	1	10		73	KH-THAC	Russian
13	LE THANH TUẤN	VSP01	27	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THANH	VSP01	24	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐỨC THIÊN	VSP01	25	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MANH TUẤN	VSP01	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG PHÚC LUÔNG	VSP01					73	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐẶNG ĐỨC ANH	VSP01					72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	18	14	79	1.358	30	22		
TOTAL		18	14	79	1.358	30	22		
WEIGHT KG				79	1.358	30			

GRAND TOTAL: 1.467 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	TO: P6 - P1 - P10	CREW: Nam - XTrường - DTùng	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ DUY ĐỒNG	P6	84	1	3		85	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TIEN DUNG	P6	95	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ VĂN TÙNG	P6					58	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN HUY THAI	P6	96-97	2	10		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THUC PHUC	P6					66	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG VĂN CUÔNG	P6	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HÀ XUÂN THANH	P6	88	1	5		100	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ QUANG MINH	P6	0				80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐẶNG TRỌNG GIAO	P6	94	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN BUI TOÀN	P6	93	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÙNG	P6	89-90	2	8		60	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN XUÂN KHANH	P6	87	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC DOANH	P6	85	1	3		80	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	86	1	5		82	GETRACO	Vietnamese
15	TÔ CÔNG TẠNH	P6	92	1	5		67	GETRACO	Vietnamese
16	LÊ VĂN HẠNH	P6	83	1	10		60	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN VINH QUANG	P6	80	1	5	17	70	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	17	16	75	1.233	17	18+	1	CHUYEN 1PAX TU P6 SANG P1
2	P1	0	0	0	0	0	0		
3	P10	0	0	0	0	35	4		
TOTAL		17	16	75	1.233	52	22		
WEIGHT KG				75	1.233	52			

GRAND TOAL: 1.360 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P8 - JS2 - RC6	CREW: Hôi - TRƯỜNG - Huy	ETA: 11:20
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LAZAREV	P8	49-50	2	9		81	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN KIM SON	P8	53	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NG. THANH TUNG	P8	58	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
4	NG. ĐỨC THẮNG	P8	59-60	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM PHƯƠNG NAM	P8	57	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VIỆT PHƯƠNG	P8	51	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO NGUYỄN HÙNG	P8					70	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN ANH TRI	P8	52	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẦN THÀNH NAM	P8	56	1	9		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC TẠNH	P8	54	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
11	PHÙNG HÀ TÀI	P8					95	KH-THAC	Vietnamese
12	THAI QUÂN	P8	55	1	5	35	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	12	12	66	833	35	12		
2	JS2	0	0	0	0	55	9		
3	RC6	0	0	0	0	35	1		
TOTAL		12	12	66	833	125	22		
WEIGHT KG				66	833	125			

GRAND TOAL: 1.024 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	TO: TGTH5 - AMD	CREW: Vận - ĐNam - Năm	ETA: 11:25
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LE HUY HOANG	TGTH5	86-87	2	10		70	HLJOC	Vietnamese
2	NGUYEN HUU LUAT	TGTH5	84	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUC CUONG	TGTH5	85	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG CHI PHONG	AMD	57	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	DINH TRUONG PHI	AMD	73	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM VAN QUANG	AMD	65	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
7	LE ANH MINH	AMD	68	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
8	LE HUU HA	AMD	60	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAN DUC TRUNG	AMD	69-70	2	7		57	KH-THAC	Vietnamese
10	LE PHONG VIEN (PVDT)	AMD	66	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG DINH VINH	AMD	61-62	2	18	118	70	KH-THAC	Vietnamese
12	LA NGOC MANH (PVDT)	AMD	59	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VAN SAU	AMD	56	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN KHAC CHINH	AMD	55	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
15	LE VAN TRUONG	AMD	67	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM TUAN ANH	AMD	71-72	2	10		69	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAN DUY PHUONG	AMD	74	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
18	LE XUAN HAI	AMD	75-76	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NAM TRUNG	AMD	54	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN THANH AN	AMD	58	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN DAN	AMD	63-64	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH5	3	4	24	203	0	2		
2	AMD	18	23	144	1.183	118	19		
TOTAL		21	27	168	1.386	118	21		
WEIGHT KG				168	1.386	118			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 6	TO: CTK3 - P8	CREW: Nam - XTrường - DTùng	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DANG THANH HOANG	CTK3	53,70	2	15		71	SAN BAY	Vietnamese
2	SYED SALLEH BIN S.S ALHABSHI	CTK3	74-75	2	10	20	77	KH-THAC	Singapore
3	NGUYEN THANH TUNG.	CTK3	72	1	4	65	68	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN HIEU.	CTK3	71	1	10		68	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN HOANG	CTK3	73	1	5		76	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VINH DUNG	P8	42	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN NHAN	P8	47	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TRI HUNG	P8	43	1	4	35	75	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN TIEN VU	P8	41	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
10	DO VAN MINH	P8	44	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	DUONG TRI NAM	P8					80	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN DONG	P8	45-46	2	11		84	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	5	7	44	360	85	6		
2	P8	7	7	37	504	35	15		
TOTAL		12	14	81	864	120	21		
WEIGHT KG				81	864	120			

GRAND TOAL: 1.065 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:50
FLIGHT: 7	TO: TD3 - P4 - TGTH4	CREW: Hôi - TRƯỜNG - Huy	ETA: 13:30
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN Y	TD3	60	1	14	53	70	DVL	Vietnamese
2	NGUYỄN TIẾN HUY	TD3	400,700	2	13		85	XAYLAP	Vietnamese
3	LE VĂN VƯƠNG	TD3	16	1	7		60	XAYLAP	Vietnamese
4	TRẦN QUÝ HIỆU	TD3	59	1	7		78	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN QUỐC	TD3	97-98	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH LÝ	TD3	99	1	15		77	XAYLAP	Vietnamese
7	TRẦN HỮU SƠN	TD3	96	1	10		58	XAYLAP	Vietnamese
8	NGO SY DUC	TGTH4	06-07	2	15		82	HLJOC	Vietnamese
9	LE VĂN TÚ	TGTH4	03	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH CƯ	TGTH4	04-05	2	18		63	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	7	9	86	502	53	8		
2	P4	0	0	0	0	5	10		
3	TGTH4	3	5	43	205	0	4		
TOTAL		10	14	129	707	58	22		
WEIGHT KG				129	707	58			

GRAND TOAL: 894 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:55
FLIGHT: 8	TO: TTC2 - TTC3	CREW: Vận - ĐNam - Toan	ETA: 13:35
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHUNG MINH HIEU	TTC2	65-66	2	8	45	78	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN NGOC XUAN	TTC2	63	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
3	LE PHUONG	TTC2	64	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU VAN AN	TTC2	60	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN VAN TOAN	TTC2	56-57	2	15	20	65	XAYLAP	Vietnamese
6	DO TRONG LUONG	TTC2	54-55	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
7	NGO QUANG PHUC	TTC2	59	1	10		71	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN VAN CAM	TTC2	61	1	14		61	XAYLAP	Vietnamese
9	LE XUAN HIEN	TTC2	62	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
10	VU NGOC HUNG	TTC2	67	1	5		63	PSV	Vietnamese
11	HOANG VIET THUAN	TTC3	98	1	7	40	65	KH-THAC	Vietnamese
12	CHU DUC HUNG	TTC3	59	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG TAN	TTC3	60-61	2	9		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAM VAN KHUONG	TTC3	57-58	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
15	OBЧАРЕНКО А.Н.	TTC3	56,96	2	13		83	KH-THAC	Russian
16	TRAN QUANG HUY	TTC3	97	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN BA HOANG	TTC3	99	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN NAM TRUNG	TTC3	700	1	12		85	CODIEN	Vietnamese
19	TRAN DINH DIEP	TTC3	05	1	8	20	74	CODIEN	Vietnamese
20	PHAM VAN HUNG	TTC3	04	1	5		74	T-TIN	Vietnamese
21	LE DUC HUY	TTC3	03,07	2	15		63	T-TIN	Vietnamese
22	TRAN TRUNG KIEN	TTC3	06	1	7		66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC2	10	13	106	632	65	9		CHUYEN 1 PAX TTC2 SANG TTC3
2	TTC3	12	16	103	827	60	13		
TOTAL		22	29	209	1.459	105	22		
WEIGHT KG				209	1.459	105			

GRAND TOAL: 1.773 KGS + 20/cg

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 9	TO: VSP01 - TTC1	CREW: Nam - Mạnh - Vũ	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN XUÂN THỦY	VSP01	51	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
2	TÔ HÙNG DŨNG	VSP01	62	1	6	16	80	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN TRUÔNG	VSP01	56	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH HAI	VSP01	55	1	5	30	95	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN THANH HA	VSP01	52	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN VĂN THUY	VSP01	58	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	HUYNH TÂN DŨNG	VSP01	49-50	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG NAM	VSP01	53-54	2	15		85	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ ĐÌNH VĂN	VSP01					70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY ĐÔNG	VSP01	48	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN THANH LỢI	VSP01	57	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
12	HOÀNG CAO TRI	VSP01	59-61	3	16		75	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	12	15	82	914	46	17		
2	TTC1	0	0	0	0	48	5		
TOTAL		12	15	82	914	94	22		
WEIGHT KG				82	914	94			

GRAND TOAL: 1.090 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN